

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01070**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Động vật hại nông nghiệp**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163492	Nguyễn Phát Đạt	19/09/2008	0	0.0	0.0	0.0	0.0
2	2356201163493	Phùng Tấn Đạt	21/01/2008	9	7.1	10.0		9.1
3	2356201163494	Võ Thị Huỳnh Giao	16/10/2008	10	7.1	8.5		8.3
4	2356201163495	Mạch Văn Hào	20/04/2008	0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	2356201163497	Trần Quốc Khải	20/09/2008	7	5.4	0.0	0.0	2.4
6	2356201163498	Nguyễn Phan Đăng Khoa	07/12/2008	8	7.1	8.5		8.1
7	2356201163499	Tăng Trung Kiên	20/06/2008	10	8.6	10.0		9.6
8	2356201163500	Trần Quốc Kiệt	23/01/2008	10	7.7	10.0		9.4
9	2356201163502	Dương Văn Linh	05/05/2008	8	7.0	9.5		8.6
10	2356201163503	Lương Hồng Lĩnh	21/08/2008	10	7.7	10.0		9.4
11	2356201163504	Nguyễn Phước Lộc	25/10/2008	9	7.7	10.0		9.3
12	2356201163506	Phan Tấn Nghiệp	07/11/2008	10	8.6	10.0		9.6
13	2356201163508	Trần Thị Yên Nhi	07/05/2007	10	7.1	10.0		9.2
14	2356201163509	Nguyễn Thị Như	07/09/2008	8	5.4	10.0		8.5
15	2356201163512	Nguyễn Cao Thái	03/10/2008	0	0.0	0.0	0.0	0.0
16	2356201163513	Phạm Văn Thảo	04/10/2008	10	8.6	10.0		9.6
17	2356201163514	Nguyễn Hoàn Thiện	30/08/2008	0	0.0	0.0	0.0	0.0
18	2356201163515	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/06/2008	8	7.1	8.5		8.1
19	2356201163516	Nguyễn Văn Tình	23/06/2008	9	7.0	10.0		9.1
20	2356201163517	Hà Thị Bảo Trâm	29/08/2008	8	5.4	10.0		8.5
21	2356201163519	Nguyễn Lâm Vũ	12/05/2008	9	7.1	10.0		9.1

Châu Đốc, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Tiến Đạt